

Bản án số: 63/2025/HNGĐ - ST.

Ngày: 16 – 9 – 2025.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực;

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2025/TLST – HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp K, xã T, Thành phố Cần Thơ; số Căn cước công dân: 094182002704, cấp ngày 22/11/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp A, xã A, Thành phố Cần Thơ; số Căn cước công dân: 094081006943, cấp ngày 22/4/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lý Thị T trình bày:

Nguyên vào năm 2014, bà Lý Thị T và ông Nguyễn Quốc T1 tự nguyện tổ chức lễ cưới chung sống với nhau, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký ngày 08/7/2015. Sau khi kết hôn bà và ông T1 chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã ly thân từ tháng 4/2025

cho đến nay. Trong thời gian chung sống bà và ông T1 có 02 (hai) người con chung là Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 20/3/2021, hiện nay cháu T2 và cháu B đang sống chung với bà T. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 08/9/2025, bà Lý Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T1; về con chung xin quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 20/3/2021 đến khi thành niên, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2025 bị đơn ông Nguyễn Quốc T1 trình bày:* Về mối quan hệ hôn nhân; con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như bà T trình bày. Ông có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T như sau: Về mối quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn vì ông còn tình cảm với bà T; về con chung thì trường hợp ly hôn, ông thống nhất giao con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 20/3/2021 cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông không cấp dưỡng nuôi con. Xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 23/3/2015 đến khi thành niên, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu gì.

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lý Thị T.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 20/3/2021 bà Lý Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Nguyễn Quốc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T chưa có yêu cầu. Sau khi ly hôn ông Nguyễn Quốc T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung: Bà Lý Thị T và ông Nguyễn Quốc T1 xác định trong thời gian chung sống ông, bà không có tài sản chung, không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Lý Thị T và ông Nguyễn Quốc T1 xác định trong thời gian chung sống ông, bà không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T1 để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Quốc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T1.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị T xác định bà và ông Nguyễn Quốc T1 tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 2014, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký ngày 08/7/2015. Hôn nhân của bà T và ông T1 tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 08/9/2025, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T1 với lý do sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2023 bắt phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã ly thân từ tháng 4/2025 cho đến nay. Từ khi bà T chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông T1.

[3]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Lý Thị T và ông Nguyễn Quốc Thông thống N xác định trong thời gian chung sống ông, bà có 02 người con chung là Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 20/3/2021 hiện nay đều đang sống chung với bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T xác định từ khi bà T và ông T1 sống ly thân thì bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 và cháu B, hiện nay hai cháu vẫn đang chung sống với ba nên bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu đến khi thành niên. Bị đơn ông Thông đồng Ý giao cháu B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; riêng đối với cháu T2 thì ông xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng

đến khi thành niên, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án bà T xác định mức thu nhập thực tế hàng tháng của bà khoảng trên 10 triệu đồng từ việc làm công nhân và ông T1 xác định mức thu nhập thực tế hàng tháng khoảng 14 triệu đồng từ việc mua bán dừa thời vụ nhưng bà T và ông T1 đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn thu nhập thực tế trên. Tuy nhiên, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà T và ông T1 đã ly thân với nhau từ tháng 4/2025 đến nay, trong khoảng thời gian này cháu T2 và cháu B chung sống với bà T, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cuộc sống của cháu đã ổn định; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của các cháu; đồng thời quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu T2 thì nguyện vọng của cháu muốn sống chung với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T2 và cháu B cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án bà T chưa có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Nguyễn Quốc T1 mà không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị T và ông Nguyễn Quốc T1 xác định ông, bà không có tài sản chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị T và ông Nguyễn Quốc T1 xác định ông, bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Bà Lý Thị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Nguyễn Quốc T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T1.
2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 23/3/2015 và cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 20/3/2021 cho bà Lý Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Nguyễn Quốc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Quốc T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001082 ngày 08/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thành phố Cần Thơ); như vậy, bà T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Quốc T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.
5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã An Thạnh, Thành phố Cần Thơ;
- T.H.A DS Tp Cần Thơ;
- TAND Tp Cần Thơ (P. TTr,KT&THA);
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Bảo